

Phụ lục II
CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HÓA CHẤT

I. Điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện tại Điều 7 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP

1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất có điều kiện.

3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

5. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

II. Điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện tại Điều 8 Nghị định 26/2026/NĐ-CP

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 25/2026/NĐ-CP

b) Đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

III. Điều kiện sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt tại Điều 11 Nghị định 26/2026/NĐ-CP

1. Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

3. Công nghệ đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

5. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

6. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm tra, giám sát).

7. Chỉ được sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 của Luật Hóa chất.

IV. Điều kiện kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt tại Điều 12 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực lưu trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm tra, giám sát).

V. Điều kiện sản xuất hóa chất cấm tại Điều 16 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP

1. Tổ chức sản xuất hóa chất cấm là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng hóa chất cấm.

3. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất cấm.

4. Công nghệ phải tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Đối với việc sản xuất Hóa chất Bảng 1 với mục đích nghiên cứu, y tế, dược phẩm hoặc quốc phòng, an ninh tại cơ sở quy mô đơn lẻ phải đáp ứng các quy định sau:

a) Việc sản xuất được thực hiện trong các thiết bị phản ứng không cấu thành sản xuất liên tục;

b) Dung tích của các thiết bị phản ứng không vượt quá 100 lít và tổng dung tích của các thiết bị phản ứng có dung tích trên 5 lít không vượt quá 500 lít.

6. Đối với việc sản xuất Hóa chất Bảng 1 tại cơ sở khác với cơ sở quy mô đơn lẻ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 16 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, phải đáp ứng quy định về cơ sở sản xuất và quy mô sản xuất cho các mục đích cụ thể như sau:

a) Quốc phòng, an ninh: một cơ sở sản xuất với tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm;

b) Nghiên cứu, y tế hoặc dược phẩm: một cơ sở sản xuất với sản lượng không vượt quá 100 gam/năm đối với một hóa chất nhưng tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm;

c) Phòng thí nghiệm: một cơ sở sản xuất với tổng sản lượng không vượt quá 100 gam/năm.

7. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

Hóa chất cấm phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

8. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 25/2026/NĐ-CP;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

9. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm gia, giám sát).

VI. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất tại Điều 19 Nghị định số 26/ 2026/NĐ-CP

Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định số 26/ 2026/NĐ-CP.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

Hóa chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở tồn trữ hóa chất phải có bằng trung cấp hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 25/2026/NĐ-CP;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Chỉ được tồn trữ theo đúng quy mô, loại hóa chất theo Giấy chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

B. LĨNH VỰC THUỐC LÁ

I. Điều kiện cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá quy định tại Điều 12 Nghị định 67/2013/NĐ-CP:

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có dây chuyền máy móc thiết bị chuyên ngành đồng bộ tách cọng thuốc lá hoặc chế biến ra thuốc lá sợi, thuốc lá tẩm và các nguyên liệu thay thế khác dùng để sản xuất ra các sản phẩm thuốc lá.

II. Điều kiện nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất tiêu thụ trong nước, sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu tại khoản 2 Điều 36 Nghị định 67/2013/NĐ-CP

1. Có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá hoặc Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá;

2. Nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá nhập khẩu phải phù hợp với sản lượng sản xuất của doanh nghiệp (đối với trường hợp sản xuất tiêu thụ trong nước);

3. Có hợp đồng sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá hoặc nguyên liệu thuốc lá (đối với trường hợp sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu);

III. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá tại Điều 17 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP

1. Doanh nghiệp đang sản xuất sản phẩm thuốc lá trước thời điểm ban hành Nghị quyết số 12/2000/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về Chính sách quốc gia phòng, chống tác hại thuốc lá trong giai đoạn 2000 - 2010 hoặc doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý về chủ trương đầu tư trong trường hợp sáp nhập, liên doanh để sản xuất thuốc lá.

2. Điều kiện về đầu tư và sử dụng nguyên liệu thuốc lá được trồng trong nước:

a) Doanh nghiệp phải tham gia đầu tư trồng cây thuốc lá dưới hình thức đầu tư trực tiếp hoặc liên kết đầu tư với các doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá.

b) Phải sử dụng nguyên liệu thuốc lá được trồng trong nước để sản xuất thuốc lá. Trong trường hợp không đủ nguyên liệu trong nước thì được nhập khẩu phần nguyên liệu còn thiếu theo kế hoạch nhập khẩu hàng năm do Bộ Công Thương công bố, trừ trường hợp sản xuất sản phẩm thuốc lá nhãn nước ngoài hoặc sản phẩm thuốc lá để xuất khẩu.

3. Điều kiện về máy móc thiết bị:

Có máy móc thiết bị chuyên ngành gồm các công đoạn chính: Cuốn điều, đóng bao.

IV. Điều kiện đầu tư, hợp tác với nước ngoài để sản xuất thuốc lá tại Điều 25 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP

1. Đầu tư trên cơ sở liên doanh hợp tác với doanh nghiệp đã có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá. Nhà nước chiếm tỷ lệ chi phối trong vốn điều lệ của doanh nghiệp (trong trường hợp đầu tư theo hình thức liên doanh);

2. Đáp ứng các điều kiện cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá;

3. Được sự đồng ý của Bộ Công Thương.

V. Bãi bỏ điều kiện cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá quy định tại Điều 9 Nghị định 67/2013/NĐ-CP.

VI. Bãi bỏ điều kiện nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 67/2013/NĐ-CP.

VII. Bãi bỏ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá tại Điều 7 Nghị định 67/2013/NĐ-CP.

VIII. Bãi bỏ điều kiện Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Khoản 10 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, mục X phần B Phụ lục V Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

IX. Bãi bỏ điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá quy định tại Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

X. Bãi bỏ điều kiện cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá quy định tại Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

XI. Bãi bỏ điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá quy định tại Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

C. LĨNH VỰC KINH DOANH XĂNG DẦU

I. Điều kiện đối với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quy định tại Điều 7 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật

2. Có cầu cảng chuyên dụng nằm trong hệ thống cảng quốc tế của Việt Nam, bảo đảm tiếp nhận được tàu chở xăng dầu hoặc phương tiện vận tải xăng dầu khác có trọng tải tối thiểu bảy nghìn tấn (7.000 tấn), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng từ năm (05) năm trở lên.

3. Có kho tiếp nhận xăng dầu nhập khẩu dung tích tối thiểu mười lăm nghìn mét khối (15.000 m³) để trực tiếp nhận xăng dầu từ tàu chở xăng dầu và phương tiện vận tải xăng dầu chuyên dụng khác, thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

4. Có hệ thống phân phối xăng dầu: tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất năm (05) cửa hàng thuộc sở hữu của doanh nghiệp; tối thiểu bốn mươi (40) tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của thương nhân.

5. Thương nhân đầu mối kinh doanh nhiên liệu hàng không không bắt buộc phải có hệ thống phân phối quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP nhưng phải đáp ứng thêm điều kiện sau:

- Có phương tiện vận tải, xe tra nạp nhiên liệu hàng không phù hợp với quy định, tiêu chuẩn mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên.

- Có kho tiếp nhận tại sân bay với các trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn của mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên.

- Có phòng thử nghiệm đủ năng lực thuộc sở hữu hoặc thuê để kiểm tra chất lượng mặt hàng nhiên liệu hàng không theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế theo quy định hiện hành.

II. Điều kiện đối với thương nhân phân phối xăng dầu quy định tại Điều 13 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Có hệ thống phân phối xăng dầu bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất ba (03) cửa hàng thuộc sở hữu; tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc các đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

III. Điều kiện đối với đại lý bán lẻ xăng dầu quy định tại Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật
2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

IV. Điều kiện đối với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu quy định tại Điều 22 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật
2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP

V. Điều kiện đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu quy định tại Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP

1. Thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu). Trường hợp đi thuê cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thương nhân đi thuê phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

2. Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

VI. Bãi bỏ điều kiện kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu quy định tại Điều 27 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP; điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu quy định tại Điều 28 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP

D. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

I. Bãi bỏ điều kiện kinh doanh về thiết lập website thương mại điện tử bán hàng quy định tại Điều 52 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP; Mục I.B, mục 2 Phụ lục I.2 Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP.

II. Bãi bỏ điều kiện kinh doanh đối với hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP; Mục III.B, mục 2, Phụ lục I.2 Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP.

E. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

I. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:

a) Đáp ứng điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:

a) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

b) Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động.

3. Trường hợp dịch vụ kinh doanh chưa được cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

a) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

b) Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động.

4. Trường hợp hàng hóa kinh doanh chưa được cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Dầu, mỡ bôi trơn; gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí

a) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

b) Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động.

d) Đối với hàng hóa là dầu mỡ bôi trơn: Xem xét cấp phép thực hiện, quyền phân phối bán buôn cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có thực hiện một trong các hoạt động sau:

- Sản xuất dầu, mỡ bôi trơn tại Việt Nam;

- Sản xuất hoặc được phép phân phối tại Việt Nam máy móc, thiết bị hàng hóa có sử dụng dầu, mỡ bôi trơn loại đặc thù.

đ) Đối với hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí: Xem xét cấp phép thực hiện quyền phân phối bán lẻ cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có cơ sở bán lẻ dưới hình thức siêu thị, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi để bán lẻ tại các cơ sở đó.

II. Căn cứ xem xét chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại Điều 10 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

Căn cứ cấp Giấy phép kinh doanh đối với các trường hợp quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP gồm: nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; dịch vụ kinh doanh chưa được cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; hàng hóa kinh doanh chưa được cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

1. Sự phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của vùng, quốc gia.

2. Tiến trình đàm phán mở cửa thị trường của Việt Nam.

3. Quan hệ ngoại giao, vấn đề an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. Điều kiện lập cơ sở bán lẻ quy định tại Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

1. Đối với việc lập cơ sở bán lẻ thứ nhất

a) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

b) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

2. Đối với việc lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện kiểm tra nhu cầu kinh tế

a) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

b) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

3. Đối với việc lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải kiểm tra nhu cầu kinh tế

a) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

b) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý;

c) Đáp ứng tiêu chí kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).

4. Tiêu chí ENT quy định tại Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP gồm:

a) Quy mô của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng khi cơ sở bán lẻ hoạt động;

b) Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý;

c) Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý;

d) Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:

- Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý;

- Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý.

IV. Căn cứ xem xét chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa: Sự phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của vùng, quốc gia.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

a) Sự phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của vùng, quốc gia;

b) Tiến trình đàm phán mở cửa thị trường của Việt Nam;

c) Nhu cầu mở cửa thị trường của Việt Nam;

d) Quan hệ ngoại giao, vấn đề an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

G. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

1. Bãi bỏ điều kiện đối với kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định 69/2018/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ điều kiện kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng quy định tại Điều 22, Điều 25 Nghị định 69/2018/NĐ-CP.

3. Bãi bỏ điều kiện kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điều 22, Điều 24 Nghị định 69/2018/NĐ-CP.